TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 547/2017/HNGĐ-ST
Ngày : 14 – 12 – 2017
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Anh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Mai Minh Chánh;
2. Ông Lý Khắc Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Dương Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên toà: Ông Phạm Tuấn Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 384/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 142/2017/QĐST – HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1987. Địa chỉ cư trú: Thôn Phước Hòa, xã E, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk; chổ ở hiện nay: Số 300 tổ 18, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Văn H, sinh năm 1993. Địa chỉ cư trú: Tổ 12, ấp KP, xã KH, huyện P, tỉnh An Giang (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 7 năm 2017, nguyên đơn chị D trình bày như sau:

Chị D và anh H chung sống vào năm 2008 nhưng đến năm 2013 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KH. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn do anh H thường xuyên uống rượu, không chăm lo làm ăn, cờ bạc dẫn đến thiếu nợ. Năm 2014 vợ chồng đến thành phố B, tỉnh Đồng Nai sinh sống nhưng anh H vẫn cờ bạc, thiếu nợ, vợ chồng thường xuyên bất hòa, gây cãi nhau, đã ly thân từ tháng 06/2016 đến nay. Nay chị D yêu cầu được ly hôn với anh H; về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Phương L, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2009. Khi ly hôn, chị D yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, anh H không đến Tòa án nhân dân huyện P trình bày ý kiến và không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn của chị D, vắng mặt tại phiên họp, phiên hòa giải.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh H được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa là tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng tại Tòa án.

- Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, chị D và anh H chung sống có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Chị D trình bày vợ chồng thường xuyên bất hòa nên không thể tiếp tục chung sống, ly thân đã lâu. Hôn nhân giữa chị D và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị D là có cơ sở chấp nhận.

- Về quan hệ con chung: Thời gian chung sống, chị D và anh H có 01 con chung tên Huỳnh Phương L, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2009. Hiện cháu L được chị D trực tiếp chăm sóc, anh H không có ý kiến về việc nuôi con nên đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu L cho chị D tiếp tục nuôi. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị D vẫn giữ yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh H; yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con. Về quan hệ tài sản chung, quan hệ nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh H: Vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Tại biên bản xác minh ngày 31 tháng 10 năm 2017 thể hiện: Anh H đăng ký hộ khẩu thường trú, sinh sống tại địa ấp KP, xã KH, huyện P, tỉnh An Giang. Chị D khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện P thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[1.2] Bị đơn anh H đã được Tòa án nhân dân huyện P tống đạt văn bản tố tụng, triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do là tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b

khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh H chung sống, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị D và anh H: Tại biên bản xác minh ngày 31 tháng 10 năm 2017 thể hiện: Anh H đi làm ăn xa, gia đình có nhận được văn bản của Tòa án và có thông báo lại cho H biết; anh H cho gia đình biết là giải quyết theo quy định pháp luật, đồng ý ly hôn với chị D. Chị D trình bày vợ chồng không hòa thuận, nay tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau nên không thể tiếp tục chung sống với nhau. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh H biết việc chị D khởi kiện yêu cầu ly hôn nhưng không quan tâm đến cuộc sống gia đình, chị D và anh H không tạo điều kiện cho nhau để tiếp tục chung sống. Quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, yêu cầu xin ly hôn của chị D là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con chung: Thời gian chung sống, chị D và anh H có 01 con chung tên Huỳnh Phương L, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2009. Khi ly hôn, chị D yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con. Xét thấy, chị D đang trực tiếp nuôi con, có chổ ở ổn định, thu nhập hàng tháng khoảng 6.000.000đ/tháng đảm bảo điều kiện nuôi con, cháu L được chị D chăm sóc tốt. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh H không có ý kiến về việc nuôi con, nguyện vọng của cháu L được sống với chị D. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu L cho chị D được trực tiếp nuôi, chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp anh H có yêu cầu tranh chấp về việc nuôi con thì khởi kiện thành vụ án khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Chị D cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh H thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị D phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2015/0017201 ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 8; Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị D ly hôn với anh Huỳnh Văn H.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Huỳnh Phương L, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2009 cho chị Trần Thị D được trực tiếp nuôi, chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con nên không xem xét. Chị D cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh H thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về quan hệ tài sản chung và quan hệ nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét

- Về án phí sơ thẩm: Chị D phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2015/0017201 ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND.AG;
- VKSND.HCP;
- THA HCP;
- Đương sự (Để thi hành);
- UBND xã KH;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Yến Anh